

BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình nội dung các Báo cáo thẩm tra số: 160/BC-HĐND
ngày 25/7/2023 và số 163/BC-HĐND ngày 25/7/2023 của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh**

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Báo cáo thẩm tra số 160/BC-HĐND ngày 25/7/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết bổ sung Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Báo cáo thẩm tra số 163/BC-HĐND ngày 25/7/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đường Lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025; tham mưu của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1819/SNN-KHTC ngày 28/7/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu, giải trình như sau:

1. Báo cáo thẩm tra số 160/BC-HĐND ngày 25/7/2023 của Ban Kinh tế - Ngân Sách, HĐND tỉnh đối với Dự thảo nghị quyết bổ sung Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, trong đó đề nghị bổ sung căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp như dự thảo nghị quyết kèm theo Báo cáo thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và nhất trí với ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh.

2. Báo cáo thẩm tra số 163/BC-HĐND ngày 25/7/2023:

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh với nội dung chi tiết tại các bảng, biểu kèm theo.

Trên đây là nội dung tiếp thu ý kiến tại Báo cáo thẩm tra số 160/BC-HĐND và số 163/BC-HĐND ngày 25/7/2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TN&MT, XD, GTVT;
- LĐVP;
- Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;

Gửi bản giấy:

- TT HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Huynh, HàNN, Bắc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nông Quang Nhất

BẢNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH BÁO CÁO THẨM TRA CỦA BAN KINH TẾ NGÂN SÁCH - HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

TT	Nội dung ý kiến thẩm tra	Ý kiến tiếp thu, giải trình
1	<p>b) Về việc tiếp thu ý kiến thẩm định của HĐTĐ:.....Tuy nhiên còn một số ý kiến cơ quan soạn thảo chưa tiếp thu nhưng không có giải trình cụ thể gồm: “Báo cáo bổ sung về tình hình thực hiện nguồn vốn của dự án đến nay; làm rõ nguồn vốn đã triển khai thực hiện để xác định được số tiền còn lại cho việc điều chỉnh”; “Do BCĐXĐCCTĐTDA chưa gửi kèm bản vẽ hướng tuyến nên khó cho việc đánh giá và cho ý kiến; đề nghị cơ quan được giao nhiệm vụ lập đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư làm rõ, hoàn thiện; làm rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy định về pháp luật đất đai, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất”.</p>	<p>- Về nội dung tình hình thực hiện nguồn vốn:</p> <p>Theo Báo cáo của Ban QLDA công trình NN&PTNT tỉnh Bắc Kạn hiện đang triển khai thi công 08 gói thầu tại các huyện và thành phố, với 128/183 tuyến đường với tổng chiều dài 254,68 Km/445 km, đến thời điểm hiện tại tại các gói thầu đã cơ bản hoàn thành khối lượng, đảm bảo tiến độ thực hiện theo hợp đồng của dự án; đồng thời hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để thực hiện các tuyến đường còn lại.</p> <p>Đến nay, tổng số vốn đã giải ngân/tổng nguồn vốn được giao và dự kiến giải ngân đến thời điểm ngày 23/7/2023 là 109.530/200.000 triệu đồng (để thực hiện xong 254,68 Km/445 km (chi tiết tại tiểu mục 3.1 Mục 3 trang 7 Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án)), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giải ngân/Kế hoạch vốn giao năm 2021: 11.809/13.883 triệu đồng.+ Giải ngân/Kế hoạch vốn giao năm 2022: 97.000/97.000 triệu đồng.+ Giải ngân/Kế hoạch vốn giao năm 2023: 721/35.000 triệu đồng.+ Nguồn vốn còn lại dự kiến được giao trong năm 2024 là 54.117 triệu đồng. <p>Với tổng nguồn vốn còn lại chưa giải ngân là 90,470/200.000 triệu đồng để thực hiện khoảng 190/445 Km còn lại của dự án.</p> <p>- Về nội dung bản đồ hướng tuyến:</p> <p>Danh mục các tuyến đường đề nghị điều chỉnh, bổ sung tại Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (BCĐXĐCCTĐTDA) đã nằm trong quy hoạch đường lâm nghiệp đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18/12/2015 và</p>

		<p>Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 05/6/2023 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (tại các hồ sơ trình ban hành các nghị quyết nêu trên đều đã có bản đồ hướng tuyến cụ thể). Do vậy, tại Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án lần này đã không đề cập lại.</p> <p>- Về nội dung làm rõ sự phù hợp của dự án đầu tư với quy định về pháp luật đất đai, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất:</p> <p>Hệ thống đường Lâm nghiệp là một bộ phận của kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật về Lâm nghiệp (phần đất để xây dựng các tuyến đường lâm nghiệp vẫn thuộc quy hoạch là đất lâm nghiệp). Vì vậy dự án không phải thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đồng thời không phải chuyển mục đích sử dụng đất.</p> <p>Mặt khác đất để thực hiện dự án do người dân tự nguyện cho tặng. Chủ đầu tư sẽ chỉ thực hiện việc chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.</p>
2	<p>c) Về số liệu: Thẩm tra cho thấy số liệu về tổng chiều dài đường lâm nghiệp tại, Tờ trình dự thảo nghị quyết BCĐXĐCCTĐTDA còn chưa thống nhất, logic giữa các nội dung. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sự cần thiết điều chỉnh chủ trương đầu tư ở trang 2 Tờ trình của UBND tỉnh và trang 3 BCĐXĐCCTĐTDA: tổng chiều dài đã thực hiện là 239,24 km/445 km, chưa thực hiện là 205,75/455 km. - Tại Tổng chi phí thực hiện dự án của tiểu mục 3.1 Mục 3 trang 7 BCĐXĐCCTĐTDA: tổng chiều dài đã thực hiện là 254,679 km/445 km, chưa thực hiện là 190,121/455 km - Tại danh mục các tuyến đường thay thế, bổ sung vào dự án đường lâm nghiệp theo chủ trương được phê duyệt 	<ul style="list-style-type: none"> - Về số liệu tại Tờ trình của UBND tỉnh và trang 3 BCĐXĐCCTĐTDA: Tổng chiều dài đã thực hiện là 239,24 km/445 km, chưa thực hiện là 205,75/455 km là chính xác. <p>Tuy nhiên, tại tổng chi phí thực hiện dự án của tiểu mục 3.1 Mục 3 trang 7 BCĐXĐCCTĐTDA: Tổng chiều dài đã thực hiện là 254,679 km/445 km, chưa thực hiện 190,121/455 km (theo số liệu dự toán chi tiết bước thiết kế bản vẽ thi công do chủ đầu tư phê duyệt), chưa trừ đi 8 tuyến đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công phải cắt giảm với tổng chiều dài là 15,427 km (chi tiết tại biểu 2. Số liệu cắt tuyến giai đoạn 2 kèm theo CĐXĐCCTĐTDA). Do vậy tổng chiều dài đã thực hiện chỉ còn 239,24 Km; chưa thực hiện là 63 tuyến với tổng chiều dài 205,75/455 km bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 57/63 tuyến với tổng chiều dài 192,10/205,75 Km (92,585 Km

	<p>tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh ở Biểu số 01 kèm theo Tờ trình của UBND tỉnh và BCĐXĐCCTĐTDA: tổng chiều dài dự kiến bổ sung, thay thế 183,915/445km, như vậy số chiều dài đã thực hiện bằng $445 - 183,915 = 261,085$km.</p> <p>Đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ về sự không thống nhất và thiếu logic về số liệu nêu trên; đồng thời xem xét rút gọn, làm tròn các số liệu của dự án để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thực hiện.</p>	<p><i>đường do người dân không hiến đất, tài sản hoa màu, vướng quy hoạch hoặc trùng dự án khác nên phải thay thế trong đó: 49 tuyến cắt giảm ở giai đoạn 1 với tổng chiều dài 77,158 km, 8 tuyến cắt giảm ở giai đoạn 2 bước TKBVTC với tổng chiều dài 15,427 km; 28,818 km chênh lệch giảm chiều dài giữa thiết kế bản vẽ thi công với thiết kế cơ sở; 70,69 km giai đoạn 2023-2025 chưa có tên tuyến cụ thể tại quyết định 2619/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)</i></p> <p><i>+ 06/63 tuyến với tổng chiều dài 13,65/205,75 Km trong quá trình khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công phải điều chỉnh hướng tuyến theo ý kiến của địa phương nên phải điều chỉnh thiết kế cơ sở.</i></p> <p>- Đối với tổng mức đầu tư của dự án: Trong quá trình điều chỉnh dự án UBND tỉnh sẽ chỉ đạo chủ đầu tư điều chỉnh để đảm bảo không làm tăng tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.</p> <p>- Đối với nội dung ý kiến: Tổng chiều dài dự kiến bổ sung, thay thế 183,915/445 km, như vậy số chiều dài đã thực hiện bằng $445 - 183,915 = 261,085$ km. Nội dung này được giải trình như sau: Tổng chiều dài dự kiến bổ sung, thay thế 183,915/445 km, số km điều chỉnh nêu trên để thay thế cho các 57/63 tuyến với tổng chiều dài 192,10/205,75 Km (<i>chi tiết đã nêu ở trên</i>). Tổng chiều dài dự kiến bổ sung, thay thế = $183,915 - 192,10$ Km = -8,18 Km (<i>do số liệu tuyến và số km thực hiện là số liệu lấy từ Quy hoạch chưa được đi khảo sát đo đạc cụ thể vì vậy còn có sự thay đổi trong quá trình thực hiện</i>).</p> <p><i>(Chi tiết tại biểu 02 đính kèm Báo cáo giải trình này)</i></p>
3	<p>d) Về danh mục các tuyến đường dự kiến điều chỉnh, bổ sung... đề nghị UBND tỉnh bổ sung danh mục các tuyến đường được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 nhưng không triển khai</p>	<p>- Về danh mục các tuyến đường dự kiến điều chỉnh, bổ sung tại quy mô đầu tư dự án...</p> <p>UBND tỉnh đã tiếp thu và giải trình cụ thể tại biểu 01 đính kèm Báo cáo giải trình này.</p>

<p>được đã bị điều chỉnh, thay thế (có kèm theo thông tin cơ bản của từng tuyến, nguyên nhân không triển khai được) đồng thời giải trình, làm rõ sự phù hợp của việc điều chỉnh quy mô đầu tư tại Tờ trình dự thảo nghị quyết đối với ý kiến của HĐND tỉnh tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất (tháng 8/2022) và điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 05/6/2022 kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất (tháng 6 năm 2023).</p>	<p>- Về giải trình, làm rõ việc điều chỉnh nêu trên đã đảm bảo phù hợp với ý kiến của HĐND tỉnh tại ...</p> <p>UBND tỉnh đã tiếp thu và giải trình cụ thể tại biểu 02 đính kèm Báo cáo giải trình này (Nội dung này đã được nêu chi tiết cụ thể tại các biểu số 01,02,03,04 kèm theo BCĐXĐCCTĐTDA.)</p>
--	--

BIỂU SỐ 01: DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CẮT GIẢM THUỘC DỰ ÁN ĐƯỜNG LÂM NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI NQ54/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 28/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên huyện	Tên xã	Tên tuyến theo quy hoạch	Địa điểm xây dựng	số Km	Các tồn tại vướng mắc; nguyên nhân, lý do cắt giảm, thay thế....
1	Chợ Mới	Thanh Thịnh	5	Thôn Nà Giáo	1,39	Dân không hiến đất do đó không thể triển khai thực hiện được
2		Nông Hạ	6	Thôn Nà Cù	1,18	Đại diện cán bộ BQLDA và đơn vị tư vấn cùng lãnh đạo xã và thôn đã tiến hành họp các hộ dân (Biên bản họp ngày 28/3/2022), do có hộ không đồng ý hiến đất phải cắt bỏ tuyến
3		Cao Kỳ	1	Thôn Nà Cà 1 - Ao Ô. Viễn	0,74	Các tuyến không thực hiện được, phải cắt bỏ tuyến do các hộ dân không đồng ý hiến đất. UBND xã Cao Kỳ đã báo cáo tại CV số 187/CV-UBND
4			2	Thôn Nà Cà 1 - Khuổi Trai	2,18	
5			6	Thôn Nà Nguộc	0,86	
6		Mai Lạp	2	Thôn Khuổi Đác	1,16	UBND xã Mai Lạp đã có Văn bản 236/UBND-XDCB ngày 27/5/2022 Báo cáo trùng với tuyến Kéo Phục - Văng Mòn của chương trình XDNTM và chương trình 135 giai đoạn 2021-2025. Do vậy bỏ tuyến để tránh trùng lặp đầu tư
7		Hòa Mục	2	Bản Vọt	1,07	Xã, thôn, Ban QLDA và đơn vị tư vấn tiến hành họp và đi thực địa ngày 31/3. Nhiều hộ dân không hiến đất vì đường đi qua bờ ao và vườn mơ các hộ. Do vậy không thực hiện được phải bỏ tuyến
8		Thanh Vận	2	Khuổi Éo, thôn Nà Đon	1,11	Xã, thôn, Ban QLDA và đơn vị tư vấn tiến hành họp và đi thực địa nhưng nhiều hộ dân không hiến đất vì đường đã được mở rộng và đi lại được. Do

9			4	Khuổi Nộc, thôn Phiêng Khảo	1,06	vậy cắt bỏ tuyến
10			5	Khuổi Khảo	0,99	
<u>Tổng công</u>		<u>6</u>	<u>10</u>		<u>11,75</u>	
1	Bạch Thông	Quang Thuận	2	Nà Lìu – Nà Hin – Boóc Khún – Nà Thoi	1,45	Dân không hiến đất, do đó không thể triển khai thực hiện được
2		Đôn Phong	2	Nà Đán – Lộ Chàng	2,11	Đã đi thực tế tuyến ngày 25/4/2022. Tuyến dốc cao nền đường trung bình từ 1-1.50 m, địa chất không ổn định có nguy cơ sạt lở rất cao (đoạn KM0-D9; đoạn D40), người dân ở phía trên taluy đồng ý hiến đất nhưng bắt cam kết đền bù khi sạt lở. Do vậy xã đã thống nhất cắt bỏ.
3		Tân Tú	1	Thôn Cốc Nao	1,92	Báo cáo số 74/BC-UBND xã Tân Tú ngày 27/4/2022. Người dân yêu cầu nhà nước hỗ trợ tiền đã đóng góp tiền mở nền đường cũ nên không thực hiện được đo đạc không có chi phí GPMB.
4		Cắm Giàng	2	Thôn Bó Bả	1,10	Nhà thầu tư vấn tiến hành khảo sát tuy nhiên người dân không nhất trí, do đã có đường mòn rộng 3.0 m thống nhất cắt bỏ (Có biên bản thống nhất với UBND xã).
<u>Tổng công</u>		<u>4</u>	<u>4</u>		<u>6,58</u>	
1	Thành phố	Phường Huyền Tung	6	Tổ Pá Danh	2,40	Tuyến dự kiến chuyển TKBVTC giai đoạn 2 (cắt bỏ do dân không đồng ý hiến đất).

2	Bắc Kạn		5	Tổ Khuổi Dùm - Khuổi Thán	1,42	6 hộ dân không đồng ý mở rộng thêm đường vì lý do sợ sạt lở ta luy sau nhà (điều kiện phải kê đá sau nhà các hộ dân cao trung bình 8-10m). Do vậy không có tính khả thi nên cắt giảm tuyến (có biên bản thống nhất với UBND phường).
3		Phường Xuất Hoá	5	Tổ 4 (Bản Đồn I)	1,44	Đầu tuyến hẹp, không kết nối giao thông được với đường chính. Người dân không đồng ý hiến đất; vị trí công trình nằm trên đầu nguồn nước sinh hoạt của người dân, do vậy không thể thực hiện phải cắt giảm (có Biên bản họp ngày 30/4/2022 giữa Ban QLDA và UBND xã)
4		Xã Nông Thượng	2	Thôn Khau Cút	1,17	Biên bản họp dân ngày 27/4/2022, theo đó một số người dân không nhất trí hiến đất nên phải cắt giảm
5			6	Khuổi Chang	1,84	Biên bản họp dân ngày 28/4/2022, theo đó một số người dân không nhất trí hiến đất nên phải cắt giảm
6			7	Thôn Khuổi Chang	1,40	
<u>Tổng cộng</u>		<u>3</u>	<u>6</u>		<u>9,67</u>	
1	Chợ Đồn	Nghĩa Tá	7	Nà Đầy	1,60	Người dân không đồng ý hiến đất do đó không thể thực hiện
2			8,000	Nà tông	2,30	Biên bản cuộc họp ngày 06/5/2022 của UBND xã, trong đó đề nghị chuyển sang tuyến khác do tuyến chủ yếu theo khe suối, đầu tư không hiệu quả. Do vậy thống nhất cắt giảm
3		Lương Bằng	1	Bản Diếu - Nà Khà	1,40	Theo Biên bản họp ngày 30/3/2022 giữa UBND xã và người dân, theo đó một số hộ dân không nhất trí thực hiện. Do vậy cắt giảm.
4			2	Bản Diếu - Lung Khà	1,00	Theo Biên bản họp ngày 30/3/2022 giữa UBND xã và người dân, theo đó một số hộ dân không nhất trí thực hiện, phải đền bù cây cối hoa màu. Do vậy cắt giảm.

5			3	Bản Mòn	1,65	Tuyến có 1 nửa chiều dài là đi dọc theo lòng suối, các hộ dân yêu cầu bồi thường hỗ trợ, không đồng ý hiến đất. Do vậy tại Biên bản làm việc ngày 01/4/2022 thống nhất cắt giảm tuyến.
6		Quảng Bạch	1	Khuổi Đăm	2,05	Các hộ gia đình đã tự mở đường, không có nhu cầu mở rộng thêm (theo Biên bản họp ngày 18/4/2022) nên thống nhất cắt giảm.
7		Ngọc Phái	4	Bản Ồm	3,00	7/15 hộ không nhất trí, xã đã có báo cáo số 41/BC-UBND ngày 8/4/2022 nên cắt giảm
8		Yên Thượng	5	Nà Nhàm	1,80	hộ ở đầu tuyến (chiều dài khoảng hơn 100m) không nhất trí. hiện trạng là đường đất rộng hơn 2m do người dân tự mở, đề nghị cắt giảm chuyển sang tuyến khác
<u>Tổng cộng</u>		<u>5</u>	<u>8</u>		<u>14,80</u>	-
1		Chu Hương	4	Bản Chù	2,30	Người dân đã tự mở đường, nên xã đề xuất chuyển sang làm tuyến khác. Theo đó thống nhất cắt giảm
2		Khang Ninh	2	Pác Nghè	1,97	Địa phương không thống nhất được các hộ dân về phương án thực hiện nên cắt giảm
3	Ba Bể	Thượng Giáo	1	Nà Tạ - Lùng Pác Canh	1,53	Hộ gia đình đầu tuyến yêu cầu phải hỗ trợ tiền đã mua đất đầu tuyến nên không thực hiện được
4			2	Nà Tạ - Sườn Khuổi Tạ	1,53	Địa phương yêu cầu điều chỉnh hướng tuyến sang vị trí có nhiều đá, suất đầu tư lớn không thể thực hiện, thống nhất cắt giảm
5		Quảng Khê	3	Nà Hai	2,05	Dân không nhất trí phải cắt bỏ
<u>Tổng cộng</u>		<u>4</u>	<u>5</u>		<u>9,38</u>	-
1	Ngân Sơn	Thuần Mang	1	Cốc Ổ	2,42	Điều chỉnh đầu tuyến vì vướng ruộng của 3 hộ (Đỉnh Văn Mến; Hoàng văn Báo; Hoàng văn Dân) do vậy thống nhất cắt bỏ (Có Biên bản họp dân ngày 15/4/2022)

2		Thượng Quan	11	Sáo Sào	2,86	Thôn 100% dân tộc Hmông không đồng ý mở đường vì không có giải phóng mặt bằng. Theo đó phải cắt giảm (Có Biên bản thống nhất với các hộ dân)
3		Bằng Vân	3	Pù Mò	4,60	Thống nhất với UBND xã cắt giảm do chưa có ý kiến thống nhất của 01 hộ trên tuyến (hiện đang chấp hành án).
<u>Tổng công</u>		<u>3</u>	<u>3</u>		<u>9,88</u>	
1	Na Rì	Dương Sơn	3	Thôn Nà Khoa	2,62	Trùng nguồn ngân sách của huyện đang thực hiện đầu tư nên cắt giảm để tránh trùng lặp đầu tư
2		Trần Phú	2	Thôn Nà Đẩu	1,37	Trùng dự án từ nguồn CSSP (Theo công văn số 46/CV-UBND của UBND xã Trần Phú) nên cắt giảm để tránh trùng lặp đầu tư
3			4	Thôn Khuổi Mí	2,40	Trùng dự án từ nguồn CSSP nên cắt giảm để tránh trùng lặp đầu tư
4			8	Thôn Nà Tàng	0,98	Dân không hiến đất vì cây mỡ sắp đến tuổi khai thác, xã và thôn đã tổ chức họp vận động ngày tuy nhiên không thống nhất được, vì thế phải cắt bỏ (Biên bản họp ngày 04/4/2022)
5		Cư Lễ	1	Thôn Nà Lặng	1,30	Theo Biên bản họp ngày 26/3/2021 các tuyến đường đã được người dân tự mở nên không thực hiện, phải cắt bỏ
6			4	Thôn Pác Phàn	1,00	
7		Văn Minh	2	Thôn Nà Deng	1,52	Người dân thống nhất hiến đất nhưng phải điều chỉnh tuyến, vì vậy phải thực hiện ở bước điều chỉnh dự án. Tuy nhiên qua rà soát không thể thực hiện
8			6	Thôn Nà Mực - Hang Mác Nghè	2,22	Bỏ không thực hiện vì người dân không đồng thuận (Có báo cáo của UBND xã)
9		Văn Lang	2	Thôn Nà Dường	0,72	Theo Báo cáo số 147/BC-UBND ngày 20/4/2022 của UBND xã Văn Lang nêu rõ các hộ dân không có nhu cầu đầu tư, vì vậy cắt bỏ
10			4	Thôn Bản Sảng	0,98	

11	Na Rì	Văn Vũ	4	Thôn Nà Chia	0,00	Đã cắt giảm theo Quyết định phê duyệt dự án số 2619/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh (chiều dài 0,00km)
12		Thị trấn Yên Lạc	3	Thôn Khuổi Nần I	0,00	Đã cắt giảm theo Quyết định phê duyệt dự án số 2619/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh (chiều dài 0,00km)
13		Đồng Xá	5	Thôn Khuổi Nà	0,00	
<u>Tổng công</u>		<u>8</u>	<u>13</u>		<u>15,11</u>	
<u>Tổng cắt giảm (GD1)</u>		<u>33</u>	<u>49</u>		<u>77,16</u>	
<u>Tổng cắt giảm (GD2)</u>		<u>6</u>	<u>8</u>		15,43	Các tuyến cắt giảm do vướng mắc ở bước TKBVTC (dân không cho thi công): - Huyện chợ mới: Xã Mai Lạp (thôn Khau Ràng chiều dài tuyến 0,71km và thôn Nà Điếng chiều dài tuyến 2,41km) - Thành phố Bắc Kạn: Phường Xuất Hoá (tổ 4 (Mai Hiên) chiều dài tuyến 4,01km) - Huyện Na Rì: Xã Cường Lợi (thôn Nà Tát chiều dài tuyến 1,189km); xã Xuân Dương (Thôn Nà Cai chiều dài tuyến 1,16km) - Huyện Chợ Đồn: Xã Yên Mỹ (thôn Nà Lặng chiều dài tuyến 2,548km và thôn Ủm Đon chiều dài tuyến 0,977km) - Huyện Ba Bể: Xã Yên Dương (thôn Nà viễn chiều dài tuyến đường 2.423 Km)
<u>Toàn công</u>		<u>39</u>	<u>57</u>		<u>92,59</u>	Các tuyến vướng mắc cắt giảm
<u>Tổng số Km thực hiện từ năm 2023-2025, Tại quyết định phê duyệt dự án số 2619/QĐ-UBND, ngày 30/12/2021</u>					<u>70,69</u>	Là số Km không có tên tuyến cụ thể (Chênh lệch chiều dài giữa NQ54/NQ-HDND và QĐ phê duyệt dự án 2619/QĐ-UBND = 445 km - 374,31 = 70.69 Km)
<u>Tổng số Km chênh lệch (giữa QĐ phê duyệt dự án 2619 và TKVBTC)</u>					<u>28,82</u>	Chênh lệch tăng giảm chiều dài tuyến giữa các Quyết định phê duyệt TKBVTC và QĐ phê duyệt dự án 2619/QĐ-UBND

<u>Tổng công toàn dự án</u>		<u>57</u>		<u>192,10</u>	Bao gồm các tuyến vương mắc phải cắt bỏ, số Km không có tên tuyến cụ thể thực hiện từ năm 2023-2025 (QĐ số 2619/QĐ-UBND) và số Km không có tên tuyến cụ thể (Chênh lệch chiều dài giữa NQ54/NQ-HDND và QĐ phê duyệt dự án 2619/QĐ-UBND)
--	--	------------------	--	----------------------	---

BIỂU SỐ 02: DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ VƯỚNG MẮC ĐỀ NGHỊ CẮT GIẢM VÀ BỔ SUNG THAY THẾ ĐẢM BẢO THEO YÊU CẦU NQ34/NQ-HĐND NGÀY 29/8/2022 - DỰ ÁN ĐƯỜNG LÂM NGHIỆP TỈNH BẮC KẠN, GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 28/7/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên huyện	Các tuyến đã phê duyệt theo NQ54 (183 tuyến với tổng chiều dài 445 Km)									Danh mục Bổ sung các tuyến cắt bỏ, chênh lệch giữa Dự án (QĐ2619) và TKBVTC và tổng số Km thực hiện từ năm 2023-2025 (QĐ2619)	Chênh lệch giữa số Km giữa các tuyến đề nghị cắt bỏ với số Km đề nghị điều chỉnh, bổ sung			
		Các tuyến đã phê duyệt theo QĐ 2619 (183 tuyến với tổng chiều dài 374.31 Km) giai đoạn 2021-2024											Tổng số Km thực hiện từ năm 2023-2025 (QĐ2619)	Số Km	Số Km
		Số tuyến				Số Km									
		Đã thực hiện	Chưa được phê duyệt TKBVTC (cần phải điều chỉnh dự án)	Cắt bỏ (Trong bước phê duyệt TKBVTC)	Cắt giảm do vướng mặt bằng khi triển khai thi công)	Đã thực hiện	Chưa được phê duyệt TKBVTC (cần phải điều chỉnh dự án)	Cắt bỏ (Trong bước phê duyệt TKBVTC)	Cắt giảm do vướng mặt bằng khi triển khai thi công)	Chênh lệch giữa Dự án (QĐ2619) và TKBVTC					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	(15 = 14-12-11-10-9)	
1	Chợ Mới	23	0	10	2	45,15	0,00	11,75	3,12	6	11	18	28,63	-3,32	
2	Bạch Thông	13	0	4		22,18	0,00	6,58	0,00	2	13,59	11	21	-0,45	

3	TP. Bắc Kạn	8	0	6	1	18,29	0,00	9,67	4,01	0,336	0	7	11	-2,66
4	Chợ Đồn	20	3	8	2	41,57	4,90	14,80	3,53	8	5	17	31	0,40
5	Ba Bể	18	0	5	1	34,18	0,00	9,38	2,42	11	7,49	11	29,58	-0,74
6	Ngân Sơn	9	1	3		24,16	2,80	9,88	0,00	0,02	7,14	7	17	0,16
7	Na Rì	21	2	13	2	34,68	5,96	15,11	2,35	1	26	22	43,67	-1,20
8	Pác Nặm	8	0	0		19,04	0,00	0,00	0,00	1	0	1	0,665	-0,37
<u>Tổng cộng</u>		<u>120</u>	<u>6</u>	<u>49</u>	<u>8</u>	<u>239,24</u>	<u>13,66</u>	<u>77,16</u>	<u>15,44</u>	<u>28,82</u>	<u>70,69</u>	<u>94,00</u>	<u>183,92</u>	<u>-8,18</u>
		<i>183 (3+4+5+6)</i>				<i>445 Km (7+8+9+10+11+12)</i>								

Ghi chú:

- Tổng chiều dài đã thực hiện là 254,68/445 km, gồm: 239,24 km đã thực hiện (cột 7. Biểu 2) và 15,44 km do vướng mắc mặt bằng trong khi triển khai thi công phải cắt giảm (Cột 10. Biểu 2).
- Tổng chiều dài chưa thực hiện 205,75/445 km gồm: 13,66 km chưa được phê duyệt TKBVTC (cần phải điều chỉnh dự án tại cột 8. Biểu 2), 77,16 km cắt bỏ trong bước phê duyệt TKBVTC tại Cột 9. Biểu 2); 15,44 km do vướng mắc mặt bằng trong khi triển khai thi công phải cắt giảm (Cột 10. Biểu 2); 28,82 Km (*chênh lệch giữa QĐ2619 và TKBVTC*) và 70,69 Km là các tuyến đã phê duyệt theo QĐ 2619 thực hiện tại giai đoạn 2 chưa xác định tuyến cụ thể (2023-2025).